TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2024
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Cẩm Tú

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Huỳnh Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Danh Thị K, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, Kiên Giang.

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K cử: Ông Trần Tuấn A – trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Danh Thị Kiều .

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1979 Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/06/2024 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Danh Thị K trình bày:

Tôi và anh Đặng Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã M,

huyện U tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/3/2016, quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên gây sự, cự cãi nhau, quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chồng tôi anh T thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện đánh đập, chửi bới tôi, làm cho cuộc sống tinh thần tôi bị suy sụp, lúc nào cũng sống trong lo lắng sợ hãi, tình trạng đó cứ tiếp diễn ngày qua ngày, tôi đã cho anh T nhiều cơ hội để sửa chữa, nhưng vẫn không sửa đổi được bản tính, đến tháng 3 năm 2024 anh T tiếp tục đánh tôi phải đi điều trị từ đó chúng tôi sống ly thân cho đến nay. Tôi xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi không có con chung.

Về tài sản, nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Anh Đặng Văn T không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Danh Thị K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Đặng Văn T. Đây là tranh chấp việc ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Anh Đặng Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Đặng Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLHS 2015.

[3]. *Về hôn nhân:* Anh Đặng Văn T và chị Danh Thị K1 tự tìm hiểu yêu thương nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, được cha, mẹ hai bên thống nhất có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2016 tại UBND xã M, huyện U tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu tương đối hạnh phúc, đến năm cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị K cho rằng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây sự, cự cãi nhau, quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chồng chị anh T thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện đánh đập, chửi bới chị, làm cho cuộc sống tinh thần chị bị suy sụp, lúc nào cũng sống trong lo lắng sợ hãi, tình trạng đó cứ tiếp diễn ngày qua ngày, chị đã cho anh T nhiều cơ hội để sửa chữa, nhưng vẫn

không sửa đổi được bản tính, Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị K là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra anh, chị phải tạo điều kiện góp ý trao đổi, sửa chữa sai lầm khuyết điểm để hàn gắn tình cảm xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó, mà lại sống ly thân nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ nên cho chị K được ly hôn với anh T là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Chị K và anh T không có con chung, nên miễn xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ: Theo chị K vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ anh, chị. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn có ý kiến: Bà Danh Thị K và ông Đặng Văn T kết hôn hợp pháp, tuy nhiên nhiều năm nay phát sinh mâu thuẫn nguyên do là ông T thường xuyên ăn nhậu về đánh đập chưởi bới, không tu chí làm ăn và không chăm lo cho cuộc sống gia đình, từ đó bà K về sống với cha mẹ ruột từ tháng 4/2024 cho đến nay. Ông T không hỏi han, ông T không có động thái để hàn gắn đoàn tụ gia đình, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Danh Thị K được ly hôn với ông Đặng Văn T. Con chung, tài sản chung không có nên không xem xét. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán – Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Danh Thị K được ly hôn với ông Đặng Văn T, về con chung, tài sản chung, nợ: không có, không xem xét giải quyết. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. *Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn:* Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị K phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị K được khấu trừ án phí tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000564 ngày 24/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị K không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Danh Thị Kiều .

1 Cho chị Danh Thị K được ly hôn với anh Đặng Văn T

2**.** Về con chung: Chị K và anh T không có con chung, nên miễn xét.

3. Về tài sản chung, nợ: Theo chị K vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ anh, chị. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nào có tranh chấp về tài sản, nợ, thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4**.** *Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn:* Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Danh Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị K được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000564 ngày 24/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị K không phải nộp thêm.

Báo cho chị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (Niêm yết) bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát N;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Đ; Nguyễn Hoàng Hổ Nguyễn Tấn L

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi